

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **05/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 18 - 01 - 2022

V/v: “*Ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Sự

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Chi

Bà Vũ Thị Mùi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Linda – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Bà Lê Hồng Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 105/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2021, về tranh chấp: “*Ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Văn N, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Số 15, phố 6, ấp 2, xã L, huyện Q, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Bà S, sinh năm 1988.

Địa chỉ: 2915 P, PA 19149 Hoa Kỳ.

(Tất cả các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn ông Phạm Văn N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2016, qua giới thiệu của người quen, ông và bà S đến với nhau, tự nguyện yêu thương và có đăng ký kết hôn tại UBND

huyện Q, được UBND huyện Q cấp giấy chứng nhận kết hôn số 4x/2016, cấp ngày 06/4/2016.

Sau khi kết hôn, bà S đã quay trở về Hoa Kỳ sinh sống. Trong khoảng thời gian này ông N nhận thấy tình cảm vợ chồng không có, việc đến với nhau chỉ do cảm xúc nhất thời, chưa suy nghĩ chín chắn. Hiện cả hai cũng đã sống ly thân từ năm 2016.

Do đó, ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà S.

Về con chung: Ông và bà S không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông và bà S không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông và bà S không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà S đã cung cấp văn bản ý kiến và có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của vụ án (đã được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định).

Ông Phạm Văn N cũng đã cung cấp văn bản ý kiến và có đề nghị xin được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Văn N và bà S chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên được công nhận. Sau khi kết hôn, ông bà S đã trở về Hoa Kỳ. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông N yêu cầu ly hôn với bà S là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

+ Về con chung: Không có.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Ông Phạm Văn N có hộ khẩu thường trú tại xã L, huyện Q, tỉnh Đồng Nai; Bà S có quốc tịch Hoa Kỳ và hiện đang sinh sống tại Hoa Kỳ. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà S đã cung cấp văn bản ý kiến và có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của vụ án (đã được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định). Ông Phạm Văn N cũng đã cung cấp văn bản ý kiến và có đề nghị xin được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của vụ án. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử vắng mặt ông Phạm Văn N và bà S theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Phạm Văn N và bà S đã tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân huyện Q, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 44/2016 ngày 06/4/2016, nên được xác định là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nguyên đơn và bị đơn cùng khai rằng do sau khi kết hôn bị đơn đã quay trở về Hoa Kỳ sinh sống nên tình cảm vợ chồng không còn, cả hai đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay, mục đích hôn nhân không đạt được, dẫn đến nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn là bà S. Xét thấy, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ cho ly hôn theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Không có.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

[6] Về án phí: Ông Phạm Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 37, 147, 228, 469, 479 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 8, 9, 51, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn ông Phạm Văn N với bà S.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Ông Phạm Văn N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được căn trừ vào tạm ứng án phí ông N đã nộp theo biên lai thu số 0000030 ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

Ông Phạm Văn N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, bà S được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Sự